

Số: 45/2024/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 02 tháng 4 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 17/2024/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024. Về “Ly hôn, nuôi con” giữa:

1. Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1997;  
Nơi cư trú: **Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.**

2. Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị N**, sinh năm 1993;  
Nơi cư trú: **Xóm T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh **Nguyễn Mạnh H** và chị **Nguyễn Thị N**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:  
- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh **Nguyễn Mạnh H** và chị **Nguyễn Thị N** đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa anh **H** và chị **N** chấm dứt kể từ ngày Quyết định Công nhận thuận tình

ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật.

- **Về con chung:** Anh **H** và chị **N** xác định vợ chồng có một con chung **Nguyễn Quốc H1**, sinh ngày 17/12/2019.

Các đương sự thỏa thuận: Chị **Nguyễn Thị N** là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Nguyễn Quốc H1** cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên đương sự có sự thay đổi khác.

\* Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không giải quyết do chị **N** không yêu cầu.

\* Quyền đi lại thăm nom con chung: Anh **Nguyễn Mạnh H** có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay:** Tòa án không giải quyết do anh **H**, chị **N** không yêu cầu.

- **Về án phí:** Anh **Nguyễn Mạnh H** tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước, (được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp), hoàn trả anh **H** 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại, theo biên lai thu số **0007085 ngày 01 tháng 02 năm 2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND nơi ĐKKH năm 2007 xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, bộ phận HNGĐ.

**THẨM PHÁN**

**Mai Thị Hồng Thái**

